

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 1349/ITM-MT ngày 05/12/2023 của Công ty cổ phần Intimex Việt Nam về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án Bãi đỗ xe và Khu nhà dịch vụ tổng hợp Intimex Sầm Sơn tại số 05, đường Thanh Niên, phường Trường Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1750/TTr-STNMT ngày 21 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần Intimex Việt Nam, địa chỉ tại: Số 96 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Bãi đỗ xe và Khu nhà dịch vụ tổng hợp Intimex Sầm Sơn tại số 05, đường Thanh Niên, phường Trường Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Bãi đỗ xe và Khu nhà dịch vụ tổng hợp Intimex Sầm Sơn

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 05, đường Thanh Niên, phường Trường Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100108039 cấp lần đầu ngày 01/07/2009; đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 12/08/2021 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

1.4. Mã số doanh nghiệp: 0100108039.

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh: Thương mại và dịch vụ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Dự án thuộc nhóm II theo quy định tại STT 2 Mục I Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tổng diện tích: Tổng diện tích sử dụng đất 6.760,7 m².

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Khu nhà dịch vụ tổng hợp quy mô 09 tầng, diện tích 2.018m² (gồm: Bãi đỗ xe thông minh 03 tầng trong khu nhà; nhà hàng ăn uống tổ chức sự kiện; 144 phòng nghỉ lưu trú); bãi đỗ xe ngoài trời, cây xanh, giao thông nội bộ diện tích 4.708,4m².

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Intimex Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần Intimex Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy

phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm.**

(từ ngày 31 tháng 12 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2033).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này;

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Sầm Sơn và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần Intimex Việt Nam(để t/hiện);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/cáo);
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND TP Sầm Sơn (để theo dõi);
- UBND P.Trường Sơn(để theo dõi);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Khu nhà dịch vụ tổng hợp có lưu lượng lớn nhất là $70,3 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý được thải ra công thu gom thoát nước chung dọc tuyến đường Thanh Niên, sau đó dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung của thành phố Sầm Sơn để tiếp tục xử lý trước khi thải ra sông Đơ.

2.2. Vị trí xả nước thải:

Nước thải sau xử lý được thải ra công thu gom thoát nước chung dọc tuyến đường Thanh Niên, phường Trường Sơn, thành phố Sầm Sơn. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105^0 , múi chiếu 3^0): X = 2183426 (m); Y = 593187 (m).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $70,3 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả thải: Xả ngầm.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày (sử dụng phao bơm tự động).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Quy chuẩn quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, hệ số K = 1,0 cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ (theo quy
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,0	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	

7	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	30	định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ)
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5,0	
10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	6,0	
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải phát sinh được đưa về hệ thống xử lý:

- Nước thải nhà vệ sinh được thu gom, xử lý trong bể tự hoại 03 ngăn (03 bể thể tích $76\text{m}^3/\text{bể}$), sau đó dẫn theo đường ống thu gom nước thải HDPE D100 về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $81\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để xử lý.

- Nước thải tắm rửa được loại bỏ rác thô sau đó dẫn theo đường ống HDPE D90 → đường ống thu gom nước thải HDPE D100 về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nước thải nhà ăn được xử lý sơ bộ trong bể tách dầu mỡ sau đó theo đường ống HDPE D200 → đường ống thu gom nước thải HDPE D100 về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Công suất của hệ thống xử lý nước thải tập trung: $81,0\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể MBBR → Bể Aerotank → Bể lắng đứng → Bể trung gian → Bể khử trùng → Bể gom → Bể tái sử dụng → Mương thoát nước chung (*Một phần được tuần hoàn tái sử dụng cho một số hoạt động của cơ sở*)

- Hóa chất sử dụng: PAC, NaOCl 10% (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải tự động.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố

- Định kỳ hằng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng máy móc, thiết bị của công trình xử lý nước thải theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành công trình xử lý nước thải và ghi chép sổ nhật ký vận hành theo quy định.

- Bố trí đầy đủ các thiết bị dự phòng (máy thổi khí, bơm nước, bơm định

lượng,...) đảm bảo sẵn sàng thay thế khi có sự cố thiết bị.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

1.4.2. Biện pháp ứng phó sự cố

- Trường hợp máy móc, thiết bị bị hư hỏng, tiến hành khóa van xả nước thải sau xử lý ra môi trường tiếp nhận; bơm nước trong bể xử lý về bể điều hòa; công nhân kỹ thuật tiến hành sửa chữa hoặc thay thế kịp thời bằng các thiết bị, máy móc dự phòng.

- Trường hợp nước thải sau xử lý không đạt giá trị giới hạn cho phép tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này: Nước thải sẽ được bơm quay về bể điều hòa và tiếp tục xử lý đạt chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố lớn, thời gian sửa chữa kéo dài: Chủ đầu tư thuê đơn vị có chức năng bơm hút toàn bộ nước thải đi xử lý theo quy định đến khi khắc phục xong sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Cơ sở thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

2.2. Thời gian vận hành thử nghiệm là 03 tháng (từ tháng 12/2024 đến tháng 03/2024).

2.3. Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 81,0 m³/ngày.đêm;

2.4. Vị trí lấy mẫu: Mẫu nước thải đầu vào (tại bể điều hòa) và mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải(bể gom nước thải sau bể khử trùng).

2.5. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.3.3. Phần A Phụ lục này.

2.6. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phát sinh từ hoạt động của cơ sở theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này và ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện biện pháp khắc phục.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải; Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải (gồm: Lưu lượng đầu vào và đầu ra; lượng điện tiêu thụ và lượng hóa chất sử dụng,...).

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 10 ngày./.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

1.1. Nguồn số 01: Mùi, khí thải từ hoạt động nấu ăn tại nhà hàng (nguồn phát sinh không liên tục).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải nguồn số 01: Tương ứng với ống thông hơi từ quạt hút mùi khu vực nhà bếp của nhà dịch vụ thương mại, tọa độ vị trí xả khí thải (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiếu 3°) như sau: X = 2183585 (m); Y = 593162 (m).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 1: Lưu lượng 500 m³/h.

2.3. Phương thức xả thải:

- Dòng khí thải số 01: Không liên tục (Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thông hơi, xả thải không thường xuyên chỉ phát sinh khi hoạt động nấu ăn).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải phát sinh:

- Khí thải (mùi) phát sinh từ hoạt động nấu ăn tại khu vực bếp được thu gom bằng hệ thống chụp hút mùi để xử lý sau đó dẫn vào hệ thống đường ống thoát khí chung D300 thoát ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Mùi, khí thải từ hoạt động nấu ăn → Quạt hút → Cụm hệ thống hút mùi → Đường ống thông hơi → Môi trường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Quan trắc khí thải định kỳ:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của các xưởng sản xuất có phát sinh dung môi hữu cơ đảm bảo đáp ứng quy định.

3.2. Định kỳ hằng năm, thực hiện duy tu, bảo dưỡng thiết bị xử lý bụi, khí thải và máy phát điện dự phòng theo quy định của nhà sản xuất.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý khí thải./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn phát sinh tại khu vực đặt máy phát điện.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Tọa độ nguồn số 01: X= 2183856 (m); Y= 593169(m);
- Tọa độ nguồn số 02: X=2183815,77(m); Y=593148,59(m);

(Theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung. Bố trí khoảng cách các thiết bị gây ồn hợp lý.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp mực in thải	08 02 04	1,19
2	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	16 01 06	1,50
3	Pin, ắc quy chì thải	160112	1,4
4	Giẻ lau dính dầu mỡ	18 02 01	0,62
5	Bao bì cứng bằng kim loại thải có chứa hóa chất, dung môi hữu cơ	18 01 02	0,19
6	Bao bì mềm có chứa hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 01 01	0,75
7	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	8,0
8	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	15 02 02	10,0
Tổng (kg)			23,65

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Bùn thải từ công trình xử lý nước thải (sau khi được phân định không có thành phần nguy hại)	108

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	227

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng lưu chứa có nắp đậy, dung tích 0,5m³/thùng.
- Bao bì ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Xây dựng 01 kho lưu chứa CTNH có diện tích 10,0 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Nền bê tông xi măng, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng, có lắp đặt thiết bị chữa cháy, có tường bao quanh.
- Kho lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (dẫn nhãn cảnh báo tên của từng loại chất thải nguy hại; có lắp đặt hệ thống, thiết bị chữa cháy; lắp đặt thiết bị thông gió). Định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước thải được lưu trong ngăn chứa bùn định kỳ được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Tại khu nhà dịch vụ tổng hợp: Trang bị và bố trí khoảng trên 300 thùng chứa có nắp dung tích 05 lít/thùng và 100 lít/thùng tại các nơi phát sinh như nhà ăn, nhà bếp, văn phòng, phòng nghỉ khách sạn...) để phân loại và thu gom nguồn thải này.

- Tại khu bãi đỗ xe: Bố trí thùng rác loại 50 lít/thùng, số lượng 6 thùng;

- Hằng ngày toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt sẽ được nhân viên dọn vệ sinh thu gom 1 lần về điểm tập kết.

2.3.2. Điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt:

- Bố trí điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt tạm thời (gần vị trí hệ thống XLNT tập trung của dự án), có diện tích là 10m², nền bê tông xi măng, có đường thu gom nước rỉ rác.

- Toàn bộ rác được đựng trong các thùng composite chuyên dụng 250lit, xe rác 0,5 m³ để lưu giữ rác thải, không để rác thải xuống nền sàn.

- Tại điểm tập kết rác được vệ sinh và phun khử khuẩn hằng ngày.

2.4. Chuyển giao chất thải

Chỉ được chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng xử lý; không để rác thải sinh hoạt qua đêm tại khu vực dự án.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện đúng quy trình phòng ngừa ứng phó sự cố đối với nước thải.

2. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường./.

PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN SAU KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN THI CÔNG DỰ ÁN.

1. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn

- Quét dọn vệ sinh sau mỗi ngày làm việc hạn chế các chất ô nhiễm bị cuốn theo nước mưa làm ô nhiễm nguồn nước.
- Che chắn khu vực bãi chứa nguyên vật liệu (cát, đá,...) phục vụ quá trình thi công xây dựng bằng bạt hạn chế thấp nhất lượng nước mưa chảy qua khu vực thi công.
- Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm thời, trên đường thoát nước mưa bố trí hố ga tạm (có kích thước $d \times r \times h = 0,5 \text{m} \times 0,6 \text{m} \times 0,5 \text{m}$) để lắng loại bỏ bùn đất.
- Thường xuyên kiểm tra nạo vét không để bùn đất, rác thải xâm nhập vào đường thoát nước chung của khu vực.
- Chất thải sinh hoạt được thu gom vào các thùng rác để tránh bị nước mưa cuốn trôi theo vào nguồn nước.

2. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

- Đối với nước thải tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh $3,0 \times 2,0 \times 1,5 \text{ m}$ (hố lắng lót bạt chống thấm thành và đáy) để loại bỏ chất rắn lơ lửng, nước thải sau lắng sẽ được tận dụng chống bụi khu vực công trường.
- Đối với nước thải vệ sinh có lưu lượng là $1,09 \text{ m}^3/\text{ngày}$ được thu gom bằng 02 nhà vệ sinh di động, Kích thước phủ bì: $(C \times R \times S) \text{ cm} = (260 \times 90 \times 135) \text{ cm}$; Kích thước lọt lòng mỗi buồng: $(C \times R \times S) \text{ cm} = (200 \times 85 \times 100) \text{ cm}$; Dung tích bồn nước sạch: 400 lít; Dung tích hầm chứa phân: 1.200 lít. Hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 01 ngày/lần) bằng xe chuyên dụng.

3. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng, nước rửa xe

Đối với nước thải vệ sinh thiết bị, rửa xe có lưu lượng là $4,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$, được thu gom bằng rãnh thu gom và xử lý bằng hố lắng tạm $V = 9 \text{ m}^3$ (kích thước $3 \times 2,0 \times 1,5 \text{ m}$), thời gian lắng 4h, được xây dựng bằng cách đào hố sau đó dùng vải địa kỹ thuật (HDPE) lót đáy và thành để chống thấm để xử lý trước khi thải từ

hoạt động rửa xe, rửa tay chân của công nhân được bố trí ở giai đoạn chuẩn bị tại ngay cạnh khu vực công ra vào dự án. Nước thải sau lắng thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Thanh Niên; váng dầu nổi được thu gom vào thùng đựng CTNH đặt tại lán trại

4. Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: Quần áo bảo hộ, 02 khẩu trang, 1 kính, 02 mũ, 02 đôi găng tay, 02 đôi ủng/1 người... theo quy định, công nhân phải được bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý.

- Phun nước tạo độ ẩm, giảm nồng độ bụi phát tán trong khu vực thi công. Dùng xe téc 5 m³, phun theo ống đục lỗ nằm ngang phía dưới téc. Tần suất phun nước 02 lần/ngày và tăng số lần phun nước trong điều kiện thời tiết khô hanh, nắng tại các tuyến đường qua khu dân cư lân cận.

- Quét tuyến đường Thanh Niên trong phạm vi 300m từ dự án về 2 phía Bắc và Nam dự án.

- Các phương tiện xe, máy thi công kiểm chuẩn và đăng kiểm phù hợp về các thông số vận hành và môi trường nhằm đảm bảo máy móc, thiết bị có hiệu suất làm việc cao và vận hành hiệu quả.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe.

- Trong quá trình thi công tránh thi công đồng loạt máy móc, hạn chế thi công vào những giờ sinh hoạt của người dân, thông báo thời gian thi công cụ thể để người dân biết.

- Xây dựng hàng rào tạm bằng tôn cao 2,7 m, dài 284m bao quanh khu vực thi công để giảm thiểu bụi và tiếng ồn phát sinh ảnh hưởng đến khu dân cư xung quanh.

5. Biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

5.1. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt không tái chế được thu gom riêng vào các thùng 100 lít (01 thùng) và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển với tần suất 1 lần/ngày; Chất thải rắn sinh hoạt có thể tái chế được thu gom riêng vào thùng nhựa composite 100 lít (01 thùng) đặt tại khu vực lán trại công nhân và bán cho cơ sở thu mua phế liệu.

5.2. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng:

- Khối lượng phát quang thảm phủ thực vật hợp đồng với đơn vị môi trường có chức năng đến vận chuyển và đưa đi xử lý theo quy định.

- Đất dư thừa từ quá trình bóc phong hóa nền tận dụng để tôn nền khuôn viên cây xanh khu vực dự án và trồng cây.

- Chất thải rắn xây dựng rơi vãi (bao gồm cát, đá, đất) sẽ được tận dụng làm vật liệu san nền tại dự án.

- Chất thải rắn sắt thép thừa, bao bì xi măng....: sẽ được thu gom và bán cho các cơ sở phế liệu trên địa bàn.

6. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Chất thải rắn nguy hại: Trang bị tối thiểu 02 thùng chứa dung tích 100 lít/thùng có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định đặt tại khu vực có mái che bằng tôn, nền cao, tránh nước mưa.

- Chất thải lỏng nguy hại: Trang bị tối thiểu 02 thùng chứa dung tích 50 lít/thùng dán nhãn mác, có nắp đậy để lưu giữ, đặt tại khu vực có mái che bằng tôn, nền cao, tránh nước mưa.

Hợp đồng đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Thực hiện quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo quy định, không gây ô nhiễm môi trường.

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Kiểm soát thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, hệ số K=1,0; khuyến khích tái sử dụng nước thải sau xử lý nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Kiểm soát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh.

5. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường./.